TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 - SƠN LA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2025/HNGĐ-ST
Ngày 23 - 7 - 2025
V/v" Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN KHU VỰC 3 - SƠN LA

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đèo Văn Quỳnh.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Hà Văn Cương; ông Trần Thành Vân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lý Thị Thùy Linh – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Sơn La.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Sơn La tham gia phiên tòa: Bà Lò Thị Thanh – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 7 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 89/2025/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2025 về việc "*Xin ly hôn, tranh chấp nuôi con*". Theo quyết định đưa vụ án xét xử số: 04/2025/QĐST - HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lò Thị B, sinh năm 1990, trú tại: Bản NH, xã NT, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La. (nay Bản NH, xã NT, tỉnh Sơn La) Vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Quàng Văn K, sinh năm 1990; Trú tại: Bản NH, xã NT, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La, (nay Bản NH, xã NT, tỉnh Sơn La) Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Về hôn nhân: Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và quá trình tố tụng chị Lò Thị B trình bày: Chị và anh Quàng Văn K tự nguyện kết hôn với nhau năm 2019 trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã Chiềng Phung, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La (nay xã NT, tỉnh Sơn La). Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại bản NH, xã NT hòa thuận, hạnh phúc được hơn 04 năm thì phát sinh mâu thuẫn do tính cách không hợp nhau, anh K không chăm lo cuộc sống gia đình, chơi bời dù đã được hai bên gia đình khuyên giải nhưng tình cảm vợ chồng không được cải thiện, vợ chồng sống ly thân từ năm 2023 cho đến nay. Nay chị B xác định tình cảm không còn, chị xin được ly hôn với anh Quàng Văn K.

Về con chung: Chị Lò Thị B và anh Quàng Văn K xác định có hai con chung: Cháu Quàng Văn N, sinh ngày 22/11/2012 và cháu Quàng Thị Quỳnh N, sinh ngày 01/02/2019. Khi ly hôn chị đồng ý giao các con cho anh Quàng Văn K trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và chị không cấp dưỡng nuôi con cùng anh K.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về vay nợ chung: Không có.

2. Bị đơn anh Quàng Văn K trình bày: Tại biên bản ghi lời khai đề ngày 03/7/2025 anh Quàng Văn K khai: Anh và chị Lò Thị B tự nguyện kết hôn với nhau năm 2019 trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã Chiềng Phung, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La (nay xã Nậm Ty, tỉnh Sơn La). Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại bản NH, xã NT hòa thuận, hạnh phúc đến tháng 02/2025 thì anh đi làm ăn xa từ đó vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, sau đó chị B đi làm thuê ở dưới xuôi thì chị B có đơn xin ly hôn, anh không đồng ý ly hôn với chị B vì anh còn tình cảm với vợ con.

Về con chung: Anh Quàng Văn K xác định anh và chị B có hai con chung: Cháu Quàng Văn N, sinh ngày 22/11/2012 và cháu Quàng Thị Quỳnh N, sinh ngày 01/02/2019. Nếu chị B K quyết ly hôn anh xin nuôi dưỡng cả hai con và không yêu cầu chị B cấp dưỡng nuôi con cùng anh.

3. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án đúng quy định của pháp luật. Về quan điểm giải quyết vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 51, Điều 56, 57, 58 Điều 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Đề nghị tuyên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho chị Lò Thị B và anh Quàng Văn K ly hôn; Giao hai cháu Quàng Văn Nam, sinh ngày 22/11/2012 và cháu Quàng Thị Quỳnh Như, sinh ngày 01/02/2019 cho anh Quàng Văn K nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi các cháu trưởng thành, chị B không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh K do anh K chưa yêu cầu; Về tài sản chung, nợ chung không có; chị Lò Thị B được miễn án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và đã được xem xét thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Lò Thị B và anh Quàng Văn K có hộ khẩu thường trú tại: Bản NH, xã NT, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La, (nay bản NH, xã NT, tỉnh Sơn La) Tòa án nhân dân huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La (nay Tòa án nhân dân khu vực 3 – Sơn La) thụ lý giải quyết là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập, thông báo yêu cầu anh Quàng Văn K đến Tòa án lấy lời khai, hòa giải và thực hiện các thủ tục tố tụng khác nhưng anh K không chấp hành đến ngày 03/7/2025 anh K mới đến có lời khai theo quy định. Dó đó, Tòa án giải quyết theo thủ tục chung và quyết định đưa vụ án ra xét xử là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa hôm nay chị Lò Thị B và anh Quàng Văn K đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là phù hợp với quy định khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Tại các bản khai quá trình tố tụng tại Tòa chị Lò Thị B vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh Quàng Văn K, xét yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Chị Lò Thị B và anh Quàng Văn K tự nguyên kết hôn có đăng ký kết hôn tại UBND xã Chiềng Phung, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La (nay UBND xã NT, tỉnh Sơn La), căn cứ vào khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình xác định đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Quá trình chung sống trên cơ sở tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ chị Lò Thị B xin ly hôn và anh Quàng Văn K không đồng ý ly hôn do anh vẫn còn tình cảm với chị B, Hội đồng xét xử thấy: Trong thời gian chung sống chị B và anh K chung sống hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng trong quan điểm sống, anh K chơi bời không chăm lo cho gia đình, từ đó mâu thuẫn vợ chồng ngày càng gây gắt và vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2023 đến nay, không còn quan tâm đến nhau việc mâu thuẫn của vợ chồng phù hợp với biên bản xác minh tại địa phương, nay chị B bỏ về sống với bố mẹ đẻ, anh K cũng không có biện pháp hàn gắn gia đình, nên chị B thấy tình cảm không còn và yêu cầu ly hôn với anh K là có căn cứ. Vì vậy, xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị B và anh K không còn. Căn cứ vào khoản 1, 2 Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc chị B xin ly hôn anh K là có căn cứ, phù hợp với Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, nên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của chị B xin ly hôn anh K.

[3] Về con chung: Chị Lò Thị B và anh Quàng Văn K có hai con chung: Chị Lò Thị B có nguyện vọng cho các con ở với anh Quàng Văn K và chị không cấp dưỡng nuôi con cùng anh K. Anh Quàng Văn K có ý kiến xin được nuôi dưỡng hai con chung và không yêu cầu chị B cấp dưỡng nuôi con cùng anh. Hội đồng xét xử xét thấy ý kiến của anh K cũng là nguyện vọng của cháu Quàng Văn N, sinh ngày 22/11/2012 và cháu Quàng Thị Quỳnh N, sinh ngày 01/02/2019 nguyện vòng được tiếp tục ở với bố và chị Lò Thị B cũng đồng ý để cả hai con được ở với anh K, để đảm bảo quyền và lợi ích của các con nên cần giao các cháu Quàng Văn N và cháu Quàng Thị Quỳnh N cho anh Quàng Văn K trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cho đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về cấp dưỡng nuôi con do anh K không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung, vay nợ chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Lò Thị B là nguyên đơn nên phải chịu toàn bộ án phí xin ly hôn tuy nhiên chị Lò Thị B là dân tộc thiểu số cư trú ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn nên được miễn án phí theo quy định điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; 228; 232, Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 19, khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; 57, 58, Điều 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Lò Thị B, xử cho chị Lò Thị B ly hôn anh Quàng Văn K.

2. Về con chung: Giao hai cháu Quàng Văn N, sinh ngày 22/11/2012 và cháu Quàng Thị Quỳnh N, sinh ngày 01/02/2019 cho anh Quàng Văn K tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Chị Lò Thị B không phải cấp dưỡng nuôi con cùng anh Quàng Văn K.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không được cản trở.

3. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho chị Lò Thị B.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Lò Thị B và anh Quàng Văn K có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đèo Văn Quỳnh

Nơi nhận:
- Tòa án tỉnh;
- Viện Kiểm sát tỉnh;
- Viện Kiểm sát khu vực 3;
- Phòng THADS khu vực 3;
- Cơ quan THADS tỉnh;
- Các đương sự;
- UBND xã Nậm Ty;
- Lưu HS;
- Lưu VP.